TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO **TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 438/2024/HC-PT
Ngày: 22 - 5 - 2024
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Ông Phạm Trí Tuấn

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngụy Tiến Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Nhàn - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 1129/2023/TLPT-HC ngày 25 tháng 12 năm 2023 về việc *"Khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 1598/2023/HC-ST ngày 05 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 606/2024/QĐ-PT ngày 26 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1965. (có mặt)

Địa chỉ: B G, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Trương Văn X, sinh năm 1971. (có mặt)

Địa chỉ: A H, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người bị kiện:*

1/. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H. (vắng mặt)

Địa chỉ: H L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H*:* Ông Thiều Đình T – Chuyên viên phòng pháp chế, Sở Tài nguyên và Môi Trường Thành phố H. (có mặt)

2/. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/. Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C *và* Ủy ban nhân dân huyện C*:* Ông Trương Tiến T1 – Phó Chủ tịch. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C *và* Ủy ban nhân dân huyện C*:* Bà Nguyễn Thị Phương L – Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: đường L, khu phố G, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo*: Bà Nguyễn Thị C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 15/01/2018, bà Nguyễn Thị C nộp đơn xin xem xét giải quyết việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc một phần thửa số 38, 42, tờ bản đồ số 31 (theo tài liệu năm 2003) nhằm thửa 4-129, tờ bản đồ số 01 (theo tài liệu 02/CT), diện tích 1.660,9 m^2 tại thị trấn C.

Ngày 13/7/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 806/QĐ-UB về việc giải quyết đơn của bà Nguyễn Thị C với nội dung: Không công nhận nội dung đơn đề nghị ngày 30/3/2018 của bà Nguyễn Thị C khiếu nại Công văn số 905/UBND ngày 22/3/2018 của Ủy ban nhân dân huyện C.

Ngày 06/10/2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H ban hành Quyết định số 3392/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn của bà Nguyễn Thị C (lần 2) với nội dung: Công nhận và giữ nguyên Quyết định số 806/QĐ-UBND 13/7/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C về giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị C là đúng.

Ngày 21/11/2022, bà Nguyễn Thị C khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết:

- Hủy Công văn số 905/UBND ngày 22/3/2018 của Ủy ban nhân dân huyện C;

- Hủy Quyết định số 806/QĐ-UB ngày 13/7/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị C

- Hủy Quyết định số 3392/QĐ-UBND ngày 06/10/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị C.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện C xem xét việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà đối với phần đất có diện tích 1.660,9m^2 thuộc một phần thửa

số 38, 42 tờ bản đồ số 31 (theo tài liệu năm 2003) nhằm thửa 129-4, tờ bản đồ số 01 (theo tài liệu 02/CT), thị trấn C, huyện C do bà khai hoang.

Người khởi kiện bà Nguyễn Thị C trình bày:

Bà là người khai hoang đất từ năm 1985, quyền sử dụng đất có diện tích1660,9m^2 thuộc một phần thửa số 38, 42, tờ bản đồ số 31 (theo tài liệu năm2003) nhằm thửa 129-4, tờ bản đồ số 01 (theo tài liệu 02/CT) T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh để nuôi trồng thủy sản.

Quá trình sử dụng đất, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C đã ban hành Quyết định số 49/QĐ-CT ngày 15/4/2002 xử phạt ông Nguyễn Văn C1 (anh bà C) về hành vi "Bao chiếm đất công trái phép khi chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép, vi phạm khoản 2 Điều 2 Nghị định số 04/CP ngày 10/01/1997 của Chính phủ" và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C đã ban hành Quyết định số 1022/QĐ-UB ngày 04/12/2002 xử phạt bà về hành vi: "Lấn chiếm đất đai, xây dựng công trình trên đất lấn chiếm vi phạm khoản 2 Điều 2 Nghị định số 04/CP ngày 10/01/1997 và điểm k khoản 2 Điều 8 Nghị định số 48/CP ngày 05/5/1997 của Chính phủ".

Như vậy, trong quá trình quản lý, sử dụng đất bà đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi lấn chiếm, chiếm đất đai và xây dựng. Do đó, bà có đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với khu đất nêu trên.

Do đã có quá trình khai hoang và sử dụng đất lâu dài nên ngày 15/01/2018, bà nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với quyền sử dụng đất có diện tích 1660,9m^2 thuộc một phần thửa số 38, 42, tờ bản đồ số 31 (theo tài liệu năm 2003) nhằm thửa 129-4, tờ bản đồ số 01 (theo tài liệu 02/CT) thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng đã bị Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Văn bản số 905/UBND ngày 22/3/2018 từ chối giải quyết hồ sơ.

Đồng thời với việc giải quyết khiếu nại của bà, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C giải quyết đơn khiếu nại của bà Đặng Thị L1 và cho rằng phần đất có diện tích 1660,9m^2 nêu trên có nguồn gốc do ông Nguyễn Văn Ư đứng bộ với diện tích 59.237m^2 theo trích đo địa bộ ngày 28/9/1970. Ngày 26/4/2001, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 308/QĐ-UB về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà L1 với nội dung: "Công nhận một phần đơn xin cấp quyền sử dụng đất của bà Đặng Thị L1, cho phép bà L1 được phép hợp thức hóa quyền sử dụng đất phần đất diện tích 8.628m^2 tại các thửa đất tờ bản đồ số 1, xã C như sau: thửa 1-40 diện tích 2.192m^2 hiện trạng hoa màu, thửa 2-40 diện tích 612m^2 hiện trạng hoa màu, thửa 3-40 diện tích 584m^2 hiện trạng lâm nghiệp, thửa 1-41 diện tích 48m^2 hiện trạng lâm nghiệp, thửa 2-129 diện tích 3.464m^2 hiện trạng lâm nghiệp, thửa 129-4 diện tích 1.728m^2 hiện trạng ao trong đó bao gồm phần diện tích 1660,9m^2 bà C đang khiếu nại.

Ngày 17/7/2001, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 443/QĐ-UB về việc giải quyết đơn của bà L1 với nội dung không công nhận nội dung đơn khiếu nại của bà Đặng Thị L1 và giữ nguyên Quyết định số 308/QĐ-UB ngày 26/4/2001 của Ủy ban nhân dân huyện C. Bà L1 tiếp tục khiếu nại Quyết

định số 443/QĐ-UB ngày 17/7/2001 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H.

Ngày 18/7/2002, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H ban hành Quyết định số 2957/QĐ-UB với nội dung: Công nhận Quyết định số 443/QĐ-UB ngày 17/7/2001 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C bác đơn của bà Đặng Thị L1 xin cấp quyền sử dụng đất trên toàn bộ diện tích 59.237m^2 đất tại xã C là đúng pháp luật.

Năm 2007 bà L1 chết, ông Nguyễn Văn N (con bà L1) tiếp tục đứng đơn đề nghị Ủy ban nhân dân huyện C xem xét, giải quyết cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho diện tích 59.237m^2 đất và Ủy ban nhân dân huyện C có Công văn số 1297/UBND ngày 08/4/2019 với nội dung bác yêu cầu xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho diện tích 59.237m^2 đất của ông Nguyễn Văn N. Ông N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 17/01/2020, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Bản án sơ thẩm số 109/2020/HC-ST với nội dung chấp thuận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N: Hủy một phần nội dung Văn bản số 1297/UBND ngày 08/4/2019 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc giải quyết đơn của ông Nguyễn Văn N xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho diện tích 59.237m^2 đất tọa lạc tại thị trấn C, huyện C có nguồn gốc do ông Nguyễn Văn Ư đứng tên. Buộc Ủy ban nhân dân huyện C xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn N theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 30/9/2020, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Bản án hành chính phúc thẩm số 610/2020/HC-PT về việc khiếu nại quyết định hành chính và hành vi hành chính trong lãnh vực cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo đó không chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện C và giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

Theo bà, Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H là không đúng khi cho rằng: Phần đất khiếu nại có nguồn gốc của ông Nguyễn Văn Ư đứng bộ với diện tích 59.237m^2 theo trích đo địa bộ ngày 28/9/1970. Sau năm 1975, ông Nguyễn Văn H (con ông Ư) cùng vợ là bà Đặng Thị L1 về sử dụng tại một phần thửa đất nêu trên và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H xem xét công nhận cho bà L1 tại Quyết định số 2957/QĐ-UB ngày18/7/2002 đối với phần diện tích 8.628m^2 (trong đó bao gồm phần đất có diện tích 1660,9m^2 mà bà C đang khiếu nại). Việc Ủy ban nhân dân huyện C không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị C2 đất có diện tích 1660,9m^2 nhằm thửa 129-4 tờ bản đồ số 01 (theo tài liệu02/CT), thị trấn C, huyện C là không đúng quy định của pháp luật.

Lý do, trong các quyết định xử phạt hành chính Ủy ban nhân dân huyện C cho rằng bà C đang lấn chiếm đất công do Nhà nước quản lý thì không thể có chuyện phần đất có diện tích 1660,9m^2 nằm trong phần diện tích 8.628m^2 đã được công nhận trong Quyết định số 2957/QĐ-UB ngày 18/7/2002 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H. Bản án sơ thẩm và phúc thẩm không đưa bà C tham

gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bà nên bà đã làm đơn kháng nghị giám đốc thẩm do vi phạm nghiêm trọng tố tụng.

Bản thân bà C và gia đình có quá trình sử dụng đất liên tục đối với phần đất có diện tích 1660,9m^2 và nộp đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 1660,9m^2 thuộc một phần thửa số 38, 42, tờ bản đồ số 31 (theo tài liệu năm 2003) nhằm thửa 129-4, tờ bản đồ số 01 (theo tài liệu 02/CT) thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh do bà khai hoang là đúng quy định của pháp luật.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện C, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C trình bày:

Việc bà Nguyễn Thị C buộc Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh xem xét việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà đối với phần đất có diện tích 1.660,9m^2 thuộc một phần thửa số 38, 42 tờ bản đồ số 31 (theo tài liệu năm 2003) nhằm thửa 129-4, tờ bản đồ số 01 (theo tài liệu 02/CT), thị trấn C đã được Ủy ban nhân dân Thành phố H ban hành Quyết định số 3392/QĐ-UBND ngày 06/10/2022, phần đất này đã được Ủy ban nhân dân Thành phố H ban hành Quyết định số 2957/QĐ-UB ngày 18/7/2002 về giải quyết khiếu nại cho bà Đặng Thị L1.

Do đó, Ủy ban nhân dân huyện C không có cơ sở cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị C theo quy định của Luật Đất đai năm 2013, đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H có ý kiến trình bày tại Văn bản số 4222/UBND ngày 30/8/2023 như sau: Đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị C.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 1598/2023/HC-ST ngày 05 tháng 9 năm 2023, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013; Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C về việc yêu cầu: Hủy Công văn số 905/UBND ngày 22/3/2018 của Ủy ban nhân dân huyện C; Hủy Quyết định số 806/QĐ-UB ngày 13/7/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị C; Hủy Quyết định số 3392/QĐ-UBND ngày 06/10/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H về việc giải quyết đơn khiếu nại (lần 2) của bà Nguyễn Thị C; Buộc Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh xem xét việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà đối với phần đất có diện tích 1.660,9m^2 thuộc một phần thửa

số 38, 42 tờ bản đồ số 31 (theo tài liệu năm 2003) nhằm thửa 129-4, tờ bản đồ số 01 (theo tài liệu 02/CT), thị trấn C, huyện C do bà khai hoang.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 13/9/2023, người khởi kiện bà Nguyễn Thị C có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị C và người đại diện theo ủy quyền trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà C.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND huyện C, Chủ tịch UBND huyện C đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử phúc thẩm và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị C làm trong hạn luật định, hợp lệ về hình thức nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện Chủ tịch UBND Thành phố H vắng mặt, có văn bản cử người bảo vệ quyền và lợi ích tham gia phiên tòa; UBND huyện C, Chủ tịch UBND huyện C vắng mặt, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, tiến hành xét xử vắng mặt đối với người bị kiện.

[2] Về nội dung:

Bà Nguyễn Thị C cho rằng phần diện tích đất 1.660,9m^2, thuộc một phần thửa số 38, 42, tờ bản đồ số 31 (theo tài liệu năm 2003) nhằm thửa 129-4, tờ bản đồ số 01 (theo Tài liệu 02/CT), thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh có nguồn gốc do bà C khai hoang từ năm 1985, sử dụng nuôi trồng thủy sản đến nay nên có đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Theo Trích đo Địa bộ ngày 28/9/1970, phần đất 1.660,9m^2 nhằm thửa 129-4, tờ bản đồ số 01 (theo tài liệu 02/CT), thị trấn C thuộc khu đất diện tích 59.237m^2 có nguồn gốc do ông Nguyễn Văn Ư đứng bộ, được cơ quan có thẩm quyền chế độ cũ cấp. Trước năm 1975, do chiến tranh nên phần đất trên không có ai sử dụng. Sau năm 1975, ông Nguyễn Văn H (con ông Ư) cùng vợ là bà Đặng Thị L1 về sử dụng tại một phần đất cũ. Trước đây, bà Nguyễn Thị L2 có đơn yêu cầu được công nhận đối với toàn bộ diện tích đất 59.237m^2 có nguồn gốc do ông Nguyễn Văn Ư (cha chồng bà L2) đứng bộ. Tại Quyết định số 308/QĐ-UB ngày 26/4/2001, Ủy ban nhân dân huyện C đã công nhận một phần đơn xin cấp quyền sử dụng đất của bà Đặng Thị L1, cho phép bà L1 được hợp thức hóa quyền sử dụng đất phần đất diện tích 8.628m^2 tại các thửa đất tờ bản đồ số 1, xã C như sau: thửa 1-40 diện tích 2.192m^2 hiện trạng hoa màu, thửa 2-40 diện tích 612m^2 hiện trạng hoa màu, thửa 3-40 diện tích 584m^2 hiện trạng lâm nghiệp, thửa 1-41 diện tích 48m^2 hiện trạng lâm nghiệp, thửa 2-129 diện tích 3.464m^2 hiện trạng lâm nghiệp, thửa 129-4 diện tích 1.728m^2 hiện trạng ao; trong đó bao gồm phần đất diện tích 1.660,9m^2 bà C yêu cầu cấp giấy chứng nhận. Bà L1 không đồng và tiếp tục khiếu nại thì ngày 17/7/2001, Chủ tịch UBND huyện C ban hành Quyết định số 443/QĐ-UB giải quyết khiếu nại có nội dung không công nhận khiếu nại của bà Đặng Thị L1 và giữ nguyên Quyết định số 308/QĐ-UB ngày 26/4/2001 của UBND huyện C. Ngày 18/7/2002, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H ban hành Quyết định số 2957/QĐ-UB với nội dung công nhận Quyết định số 443/QĐ-UB ngày 17/7/2001 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C bác đơn của bà Đặng Thị L1 xin cấp quyền sử dụng đất trên toàn bộ diện tích 59.237m^2 đất tại xã C là đúng pháp luật. Các quyết định hành chính nêu trên hiện đang có hiệu lực thi hành.

Đối với bà Nguyễn Thị C, bà C cho rằng đất có nguồn gốc do bà khai hoang từ năm 1985 nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Ngày 15/4/2002, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C, huyện C ban hành Quyết định số 49/QĐ-CT xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Văn C1 (anh bà C) về hành vi "Bao chiếm đất công trái phép khi chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép, vi phạm khoản 2 Điều 2 Nghị định số 04/CP ngày 10/01/1997 của Chính phủ"; áp dụng biện pháp hành chính "Buộc khôi phục hiện trạng ban đầu". Đồng thời, ngày 04/12/2002, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C đã ban hành Quyết định số 1022/QĐ-UB xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Nguyễn Thị C về hành vi: "Lấn chiếm đất đai, xây dựng công trình trên đất lấn chiếm vi phạm khoản 2 Điều 2 Nghị định số 04/CP ngày 10/01/1997 và điểm k khoản 2 Điều 8 Nghị định số 48/CP ngày 05/5/1997 của Chính phủ"; Biện pháp khắc phục hậu quả "Thu hồi phần đất bị lấn chiếm diện tích 48m^2 và buộc tháo dỡ công trình xây dựng trên đất lấn chiếm diện tích 4m x 12m = 48m^2". Sau khi bị xử phạt hành chính về hành vi lấn chiếm đất từ năm 2002, đến năm 2018 bà C làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng phần diện tích đất trên nhưng bà C không có tài liệu, chứng cứ chứng minh bà có quá trình quản lý, sử dụng. Hiện trạng hiện nay phần đất 1.660,9m^2 đang bỏ hoang, phần đất ao bị khô nước; bờ bao đã bị hư mòn, cỏ bụi mọc hoang hóa trên bờ bao và 03 bờ ngăn thành 04 ao

đã bị xói mòn; phần đất gò trước đây làm chòi canh có quy cách khoảng 05m chiều ngang mặt tiền, dài khoảng 30m, hiện là đất trống, cỏ bụi mọc hoang hóa.

Như vậy, bà C không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất ổn định, lâu dài. Quá trình bà C và anh bà C bao chiếm đất đã bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính. Mặt khác, phần diện tích đất này đã được UBND huyện C, UBND Thành phố H giải quyết khiếu nại cho bà Đặng Thị L1. Do đó, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Công văn số 905/UBND ngày 22/3/2018 không xem xét cấp giấy chứng nhận cho bà C đối với phần diện tích đất 1.660,9m^2 là có căn cứ. Chủ tịch UBND huyện C ban hành Quyết định số 806/QĐ-UB, Chủ tịch UBND Thành phố H ban hành Quyết định số 3392/QĐ-UBND bác khiếu nại của bà C đối với Văn bản số 905/UBND là đúng quy định pháp luật.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là có căn cứ, đúng quy định pháp luật; yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị C không có cơ sở chấp nhận; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị C phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241, Điều 242 Luật tố tụng hành chính.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị C.

Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 1598/2023/HC-ST ngày 05 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Áp dụng Luật Đất đai năm 2013; Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C về việc yêu cầu: Hủy Công văn số 905/UBND ngày 22/3/2018 của Ủy ban nhân dân huyện C; Hủy Quyết định số 806/QĐ-UB ngày 13/7/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị C; Hủy Quyết định số 3392/QĐ-UBND ngày 06/10/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H về việc giải quyết đơn khiếu nại (lần 2) của bà Nguyễn Thị C; Buộc Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh xem xét việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà đối với phần đất có diện tích 1.660,9m^2 thuộc một phần thửa số 38, 42 tờ bản đồ số 31 (theo tài liệu năm 2003) nhằm thửa 129-4, tờ bản đồ số 01 (theo tài liệu 02/CT), thị trấn C, huyện C do bà khai hoang.

2/. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

3/. Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng; được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004065 ngày 23/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh vào phần án phí phải chịu.

4/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. HCM;
- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- Cục THADS TP. HCM;
- Đương sự (4);
- Lưu VP(5), HS(2).16b.NTT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thanh Dũng